

# Nhìn Lại Thời Vàng Son của Giáo Dục VNCH Trước Năm 1975

GS Phạm Cao Dương

## Lời giới thiệu của Phạm Trần:

*Tôi xin chân thành cảm ơn Giáo sư, Tiến sỹ Lịch sử Phạm Cao Dương đã có nhã ý gửi cho bài nghiên cứu không những chỉ có giá trị về lịch sử, mà còn ghi lại những giá trị văn hóa truyền thống không thay thế được của nền Giáo dục thời Việt Nam Cộng hòa.*

*Với kinh nghiệm bản thân của một Nhà mô phạm nổi tiếng ở miền Nam Việt Nam từ trước năm 1975 và ở Hoa Kỳ sau 1975, Giáo sư đã đưa chúng ta về với quá khứ để chứng minh, chỉ có một nền giáo dục dựa trên nền tảng của “dân tộc, tự do, dân chủ và khai phóng” mới đem lại thành công.*

*Chúng tôi xin trân trọng chia sẻ cùng bạn đọc.*

\*\*\*

*Bồng bồng mẹ bé con sang,  
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo.  
Muốn sang thì bắc cầu kiều,  
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.  
(Ca dao Việt Nam)*

*“Tôi là Carnot đây, thầy còn nhớ tôi không?”  
Quốc Văn Giáo Khoa Thư Lớp Dự Bị (Thời Pháp Thuộc)*

*“... Có một điều người ta phải để ý và thận trọng khi nói tới cách mạng và đặc biệt khi “làm cách mạng vì cách mạng” ...nhất là khi cách mạng không bắt nguồn từ truyền thống và tư duy của chính dân tộc mình.”  
(PCD)*

## Tâm Tình của Người Viết

Sau 44 năm người Cộng sản gọi là “giải phóng miền Nam” (1975-2019), không ai có thể phủ nhận thành tựu trong Giáo dục là một trong những thành công quan trọng nhất và rõ rệt nhất, đồng thời cũng là một nét vàng son đáng trân quý trong nếp sống và sinh hoạt ở Miền Nam thời trước năm 1975. Có nhiều nguyên nhân và một trong những nguyên nhân này là sự liên tục trong lịch sử trong quan niệm cũng như trong tổ chức và cách thức sinh hoạt của nền văn hóa này.

Nói như vậy không có nghĩa là trong chiều dài của hơn 20 năm lịch sử này (1954-1975), miền đất của tự do và nhân bản cuối cùng mà những người Quốc Gia còn giữ được, không trải qua xáo trộn. Cuộc chiến giữa Quốc gia và Cộng sản, dưới hình thức này hay hình thức khác luôn luôn tồn tại, tồn tại thường trực, tồn tại hàng ngày, đồng thời có những thời điểm người ta nói cả tới các chế độ độc tài hay quân phiệt và luôn cả cách mạng. Tuy nhiên, ngoại trừ những gì liên hệ tới chế độ chính trị, quân sự hay an ninh quốc gia, sinh hoạt của người dân vẫn luôn luôn diễn ra một cách bình thường, người nào việc nấy, người nào trách nhiệm nấy và được tôn trọng hay tôn trọng lẫn nhau. Sự liên tục lịch sử do đó đã có những nguyên do để tồn tại, tồn tại trong sinh hoạt hành chánh, tồn tại trong sinh hoạt tư pháp, trong văn chương và nghệ thuật và tồn tại đương nhiên trong sinh hoạt Giáo dục.

Trong bài này tôi chỉ nói tới Giáo dục và đặc biệt là Giáo dục công lập. Đây không phải là một bài khảo cứu mà chỉ là một bài nhận định và những nhận định được nêu lên chỉ là căn bản, sơ khởi, nhằm mục tiêu gợi ý cho các nhà nghiên cứu và tất nhiên là không đầy đủ. Mỗi độc giả có thể có những nhận định riêng của mình. Một sự nghiên cứu kỹ càng, có phương pháp hơn và đầy đủ hơn là một điều cần thiết.

## Nền Tảng của Giáo Dục

Vì vậy tôi chỉ xin được trình bày năm đặc tính mà tôi gọi là cơ bản. Năm đặc tính này là:

1. Giáo dục là của những người làm giáo dục

2. Tôn chỉ và mục đích nhằm hướng tới quốc gia dân tộc và con người dựa trên những truyền thống cổ truyền
3. Liên tục trong phạm vi nhân sự
4. Hệ thống tổ chức, tổ chức thi cử và chương trình học vẫn giữ được những nét chính của chương trình Pháp và chương trình Hoàng Xuân Hãn thời Chính Phủ Trần Trọng Kim năm 1945 và Phan Huy Quát thời Chính Phủ Bảo Đại sau đó
5. Một xã hội tôn trọng sự học và tôn trọng người có học

Sau đây là các chi tiết:

### **Thứ nhất: Giáo dục là của những người làm giáo dục**

Giáo dục công lập ở Việt Nam đã có từ lâu đời và tùy theo nhận định của các sử gia, định chế này đã tồn tại trên dưới mười thế kỷ. Mục đích của nó là để đào tạo nhân tài cho các chế độ, nói riêng, và cho đất nước, nói chung.

Các vua chúa Việt Nam thời nào cũng vậy, cũng coi trọng việc học. Có điều coi trọng thì coi trọng, các vua, nói riêng và các triều đình Việt Nam, nói chung, chỉ vạch ra những đường nét chung và những mục tiêu chung, kèm theo là tổ chức các kỳ thi để tuyển chọn người tài mà không trực tiếp can dự vào sinh hoạt giảng dạy của các trường, hầu hết là các trường tư do tư nhân lập ra ở rải rác khắp trong nước. Sinh hoạt này hoàn toàn do các thầy ở các trường do các thầy đồ hay các danh sĩ trong vùng đảm trách, với sự đóng góp của người dân. Giáo dục là của người dân và của những người làm giáo dục, và cho đến khi người Pháp sang, nó là của giới trí thức đương thời, đúng hơn là của các nhà Nho với tất cả những học thuyết, những nguyên tắc căn bản của giới này.

Sang thời Pháp thuộc, do nhu cầu, đồng thời cũng là sứ mạng truyền bá văn minh và văn hóa của họ, người Pháp đã lập ra một nền giáo dục mới, nhưng việc điều hành, việc soạn thảo chương trình vẫn được giao cho các nhà giáo, được huấn luyện chuyên môn hay ít ra là lựa chọn nghề dạy học với tinh thần quý trọng kiến thức, yêu mến nghề dạy học và hạnh phúc với sứ mạng làm thầy, về phía người Pháp cũng như về phía người Việt. Người Pháp mở các trường Sư phạm để huấn luyện giáo chức chuyên nghiệp, lập ra các trường học thuộc đủ các cấp, có quy mô rộng lớn, có đủ tiêu chuẩn để ngay trong những ngày đầu tiên mới độc lập, thời Chính Phủ Trần Trọng Kim, đã có thể có ngay nội chương trình học riêng cho một nước Việt Nam mới, tồn tại lâu dài cho đến ngày nay vẫn còn và sẽ còn mãi mãi nếu người ta gìn giữ và bảo vệ nó.

Đặc tính kể trên đã liên tục được tôn trọng trong suốt thời gian miền Nam tồn tại và luôn cả trước đó, từ thời Chính Phủ Quốc Gia của Cựu Hoàng Bảo Đại cho đến Đệ Nhất rồi Đệ Nhị Cộng Hòa. Chức vụ Bộ trưởng hay Tổng trưởng giáo dục có thể là do các chính trị gia hay những người thuộc các ngành khác đảm nhiệm, nhưng trong việc lựa chọn nhân sự điều hành trong bộ, ngoại trừ các chức vụ có tính cách chính trị như Đồng lý văn phòng, Chánh văn phòng, Bí thư tức Thư ký riêng của bộ trưởng... tất cả các chức vụ chỉ huy khác trong Bộ, từ Thứ trưởng, Tổng thư ký, Tổng giám đốc, Giám đốc cho tới các Hiệu trưởng các trường và đương nhiên là các giáo sư, giáo viên, đều là những nhà giáo chuyên nghiệp, không có đại diện đảng phái chính trị ở bên cạnh.

Lý do rất đơn giản: Vì họ là những người vô tư, biết việc, rành công việc và có kinh nghiệm, chưa kể tới sự yêu nghề. Chính trị đối với họ chỉ là nhất thời, tương lai của cả một dân tộc, hay ít ra là của những thế hệ tới, mới là chính và thực sự quan trọng.

Trong phạm vi Lập pháp thời Việt Nam Cộng hòa (VNCH), rõ hơn là ở Quốc hội, các chức vụ đứng đầu các ban hay tiểu ban giáo dục, dù là Thượng viện hay Hạ viện đều do các Nghị sĩ hay Dân biểu gốc nhà giáo phụ trách. Ngoại trừ ở những vùng mất an ninh, những gì thuộc phạm vi chính trị nhất thời đã dừng lại trước ngưỡng cửa của học đường. Thầy cô giáo là nhân viên của Bộ giáo dục, do Bộ giáo dục bổ nhiệm, trực thuộc vị Hiệu trưởng của trường sở tại, hay các nha sở của Bộ giáo dục ở trung ương chứ không trực thuộc các Quận hay Tỉnh trưởng. Việc giảng dạy ở trong lớp là hoàn toàn tự do, nhất là ở bậc Đại học, chính quyền không hề theo dõi. Chưa hết, để cố vấn cho chính phủ, một Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục cũng được thành lập với đa số hội viên là các nhà giáo.

Về tên các trường, tất cả các trường Trung, Tiểu học đều được gọi bằng tên của các danh nhân hay anh hùng dân tộc thời trước, được mọi người từ lâu công nhận như: Trưng Vương, Ngô Quyền, Chu Văn An, Đoàn Thị Điểm, Gia Long, Petrus Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản, Lê Ngọc Hân, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... **không hề có tên nào là của các lãnh tụ đương thời dù đó là Bảo Đại, Ngô Đình Diệm hay Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, kể cả Trần Văn Hương** gốc nhà giáo.

Tất nhiên với những tên trường hoàn toàn xa lạ, từ sau ngày 30/04/1975, như Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Thị Sáu, Lê Văn Tám... hay, tệ hơn nữa, là ngụy tạo, không có thật, đối với quảng đại quần chúng miền Nam là “ngoài giáo dục”.

### **Thứ hai: Tôn chỉ và mục đích nhằm hướng tới quốc gia, dân tộc và con người, dựa trên những truyền thống đã có từ lâu đời.**

Nói tới ba nguyên tắc căn bản, đồng thời cũng là tôn chỉ và mục đích tối hậu của nền giáo dục của miền Nam trước năm 1975, có người tỏ ý không thích ba nguyên tắc này. Lý do có lẽ, tôi chỉ đoán như vậy, là vì ba nguyên tắc này phần nào đã được người Cộng Sản Việt Nam nêu lên trong Đề Cương Văn Hóa 1943 của họ.

Ba nguyên tắc đó là : **Nhân Bản, Dân Tộc và Khai Phóng**, sau này là Nhân Bản, Dân Tộc và Khoa Học trong khi trong Đề Cương Văn Hóa của Đảng Cộng Sản Việt Nam thì là Dân Tộc, Đại Chúng và Khoa Học. Ở đây người viết không đi sâu vào khía cạnh này vì dù không thích, không đồng ý, ba nguyên tắc Dân Tộc, Nhân Bản và Khai Phóng này vẫn đã trở thành căn bản của nền giáo dục của miền Nam mà ai cũng biết.

Chúng ta, những người Việt thời VNCH, đã giúp cho nền giáo dục này giữ được những truyền thống cơ bản của dân tộc và phát triển một cách vững vàng từng bước một để theo kịp với đà tiến triển của cả nhân loại mà không chạy theo những gì của thời thượng để trở thành lai căng, mất gốc, đồng thời cũng không bị gán cho là bảo thủ, lỗi thời... Tính cách liên tục lịch sử của nền giáo dục của miền Nam sở dĩ có được, phần nào là dựa trên những nguyên tắc này, đặc biệt là nguyên tắc Dân Tộc. Nó cho phép người ta đề cao và bảo tồn những truyền thống dân tộc trong học đường, dù đó là những truyền thống thuần túy Việt Nam hay những truyền thống của Khổng Giáo và ở bất cứ thời nào, kể cả thời người ta đua nhau cổ võ cho phong trào toàn cầu hóa hay thế giới đại đồng trước kia. Đôi câu đối được khắc trên cổng chính của một trong những trường trung học lớn nhất của miền Nam là trường Petrus Trương Vĩnh Ký sau đây là một trường hợp điển hình:

*Khổng Mạnh cương thường tu khắc cốt  
Tây Âu khoa học yếu minh tâm*

Trong khi đó thì nguyên **tắc khai phóng** đã giúp người ta thường xuyên cởi mở, khoáng đạt để sẵn sàng đón nhận những gì mới mẻ từ bên trong, cũng như từ bên ngoài, từ đó theo kịp đà tiến bộ chung của cả nhân loại. Sinh hoạt giáo dục ở vùng Quốc Gia và ở miền Nam Việt Nam trong thời gian tồn tại mỗi ngày mỗi sinh động hơn, mỗi phong phú hơn và nhân bản hơn là nhờ nguyên tắc này thay vì trở nên nghèo nàn, xơ cứng, hay ít ra không hấp dẫn đối với những thế hệ mới.

Cuối cùng cũng nên nói sơ qua về nguyên tắc **đại chúng**. Nguyên tắc này tuy không được kể trong ba nguyên tắc căn bản của nền giáo dục của miền Nam nhưng vẫn được mọi người tôn trọng, trái với thực tế đã xảy ra trước năm 1975 ở miền Bắc và trên toàn quốc sau năm này. Lý do là vì khi nói tới nguyên tắc này, người ta nghĩ ngay tới hai chữ “dân chủ”, từ đó đưa đến những nhận định quen thuộc là do dân, vì dân và cho dân. Ở đây là do đại chúng, của đại chúng và phục vụ đại chúng thay vì chỉ do một thiểu số cầm quyền và giàu có. Một trong những gì mà nền giáo dục của miền Nam đã đem lại cho đại chúng là tính miễn phí, hay gần như miễn phí từ tiểu học đến đại học và cũng ít ra là ở các trường công lập, bất kể đất nước còn đang ở trong tình trạng chiến tranh và nghèo nàn và ngân sách dành cho giáo dục là rất thấp so với các nước Á Châu khác. Người ta chỉ cần đậu xong bằng tú tài là có thể ghi danh hay thi vào các trường đại học hay cao đẳng. Học phí rất thấp, hầu như chỉ vừa đủ cho thủ tục hành chánh, giấy tờ. Sinh viên ra trường hầu như không nợ nần gì cả, chưa kể tới các trường đại học hay cao đẳng chuyên môn, sinh viên được cấp học bổng để sống và theo đuổi việc học toàn thời gian và sau khi ra trường khỏi phải trả nợ.

Các trường tư cũng được tự do, coi như để bổ khuyết cho khả năng giới hạn của các trường công do số học sinh mỗi ngày một đông, trường công không đáp ứng được đầy đủ. Sự thành công của các trường tư dựa trên sự tín nhiệm của các phụ huynh và có thể cả chính các học sinh lựa chọn căn cứ vào sự giảng dạy của các

thầy và kết quả của các kỳ thi. Trong phạm vi này các tôn giáo đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Ngoài các trường trung và tiểu học, tôn giáo lớn nào cũng có trường đại học: Công Giáo có trường Đà Lạt, Phật Giáo có trường Vạn Hạnh, Hòa Hảo có trường Long Xuyên, Cao Đài có trường Tây Ninh, chưa kể tới các trường Minh Đức, Cửu Long...

### **Thứ ba: Liên tục trong phạm vi nhân sự**

Nhân sự ở đây không ai khác hơn là các nhà giáo, căn bản là các nhà giáo chuyên nghiệp. Người viết muốn nói tới các nhà giáo tốt nghiệp từ các trường sư phạm, những người ngay từ thuở thiếu thời đã chọn nghề dạy học làm lý tưởng cho mình và chỉ sống bằng nghề dạy học, vui với nghề dạy học, hãnh diện với vai trò làm thầy, làm cô của mình, dù đó là Sư Phạm cho bậc tiểu học, Cao Đẳng Sư Phạm hay Đại Học Sư Phạm cho bậc trung học.

Một nghề bị coi là “bạc nghệ”, là bị xếp sau so với các nghề khác:

*Dưa leo ăn với cá kèo,  
Cha mẹ anh nghèo, anh học “noọc-man”.*

Hai câu bẻ ngoài có vẻ tự ti, than vãn, nhưng không phải là không mang thâm ý ngược lại nếu người ta nghĩ tới trường hợp của không ít con em các nhà giàu được gửi sang Tây học và không mang được bằng cấp gì về cho cha mẹ, trừ bằng “nhảy đầm”. Anh nghèo nhưng anh học giỏi và làm nên sự nghiệp.

Khởi đầu là các vị tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội hay các vị tốt nghiệp các trường đào tạo giáo viên tiểu học. Tất cả các vị này đã hành nghề trong suốt thời Pháp thuộc, đã âm thầm góp phần vào việc Việt hóa nền giáo dục quốc gia thời Bảo Đại – Trần Trọng Kim, rồi thời Chính Phủ Quốc Gia. Sau này, khi đất nước bị qua phân, từ miền Bắc đã di cư vô Nam hay vẫn ở lại miền nam, các vị đã tiếp tục dạy ở các trường trong Nam khi các trường này được mở cửa trở lại sau một thời gian chiến tranh bị tạm đóng cửa, bên cạnh các trường được gọi là Bắc Việt di chuyển như Ngô Quyền, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Trưng Vương, Hồ Ngọc Cẩn, Trần Lục... không hề bị gián đoạn, kể cả trong thời kỳ chuyển tiếp từ Pháp thuộc sang độc lập.

Mặt khác, chính các giáo chức chuyên nghiệp này cũng là những giảng viên cơ bản trong các trường huấn luyện giáo chức thuộc thể hệ mới. Từ phong thái đến cách giảng dạy, từ cách vào lớp, cho phép học trò ngồi, tới cách viết bảng và xóa bảng, cách chấm bài hay phê bài, các vị này đã để toát ra một sự chừng mực và vô cùng thận trọng của những nhà sư phạm lành nghề và yêu nghề. Học đường do đó đã tránh được nạn chánh trị hóa, tránh được nạn cán bộ chánh trị xâm nhập như ở miền Bắc trước 1975 và trên cả nước sau đó. Nhiều vị vào những lúc tinh thể vô cùng tế nhị cũng vẫn giữ được thể vô tư và độc lập, nghiêm chỉnh của học đường và tư cách của nhà giáo.

Cũng cần phải nói thêm là trong thời gian này nhiều vị xuất thân là cử, tú, kếp, mền, luôn cả tiến sĩ của thời trước, những người tinh thâm Nho học, vẫn còn có mặt ở các học đường, đặc biệt là các Đại Học Văn Khoa ở Saigon và Huế như Tiến Sĩ Nguyễn Sĩ Giác, Cử Nhân Thẩm Quỳnh, Tú Tài Kếp Vũ Huy Chiêu... mà không ai là không quý trọng.

### **Thứ tư: Hệ thống tổ chức, tổ chức thi cử và chương trình học vẫn giữ được những nét chính của Chương Trình Pháp và Chương Trình Hoàng Xuân Hãn, Phan Huy Quát dù có sửa đổi**

Đây là một trong những đặc tính căn bản của nền giáo dục của miền Nam trong suốt thời kỳ nền giáo dục này tồn tại. Những gì người Pháp thiết lập không những không bị hủy bỏ, coi như tàn tích của chế độ thực dân, đế quốc mà còn được thận trọng giữ gìn, song song với việc bảo tồn truyền thống văn hóa cổ truyền và đạo đức của dân tộc. Người Việt ở miền Nam trong tinh thần cởi mở và tự do đã biết phân định những gì là kim cạp và những gì là hay đẹp mà một chế độ chánh trị đem lại, thay vì cứ nhắm mắt đập bỏ để sau này hối hận. Các nhà làm giáo dục ở miền Nam đã tỏ ra vô cùng thận trọng trong mọi quyết định. Những gì gọi là cách mạng vội vã, nhất thời dường như không được chấp nhận. Họ chủ trương cải tổ để thích ứng với hoàn cảnh mới và cải tổ từ từ, kể cả khi thể lực và ảnh hưởng của người Mỹ, từ đó áp lực của họ đã trở nên rất mạnh.

Hệ thống giáo dục do người Pháp từ tiểu học cho đến đại học đã tồn tại dưới hình thức Việt hóa bắt đầu từ thời chính phủ Trần Trọng Kim năm 1945, với chương trình Hoàng Xuân Hãn, vị bộ trưởng giáo dục đương



thời, sau này là Phan Huy Quát thời Quốc Gia Việt Nam mới được thành lập. Nó cho phép người ta, từ thầy đến trò, dễ dàng chuyển sang một nền giáo dục mới của một quốc gia độc lập không hề có chuyện trục trặc.

Ngay từ cuối niên học 1944-1945, trong rất nhiều khó khăn, từ giao thông, vận chuyển đến thông tin, liên lạc, người ta đã tổ chức được những kỳ thi ở bậc tiểu học bằng tiếng Việt mà không hề có chuyện than phiền, khiếu nại. Điều nên nhớ là Chính Phủ Trần Trọng Kim chỉ tồn tại có vắn vắn bốn tháng hay hơn một trăm ngày, vô cùng ngắn ngủi, với những phương tiện giao thông và liên lạc hết sức nghèo nàn. Sau này khi gửi sinh viên ra ngoại quốc du học, miền Nam đã không gặp phải những khó khăn trong việc đối chiếu bằng cấp, hệ thống học, học trình và khả năng của các đương sự, không phải chỉ riêng cho những ai muốn sang du học bên Pháp mà luôn cả cho những ai muốn sang các quốc gia khác, kể cả Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Úc, Nhật... vì đó là một hệ thống giống như các hệ thống khác thuộc thế giới tây phương, một hệ thống gần với hệ thống chung của quốc tế với 12 năm dành cho bậc tiểu học và bậc trung học.

Duy trì mối liên tục lịch sử cũng cho phép người ta sử dụng được các sách giáo khoa của người Pháp và những sách giáo khoa về lịch sử và văn chương Việt Nam do chính người Việt soạn thảo từ thời trước năm 1945 và sau đó là từ năm 1947 đến năm 1954 ở những vùng đất của người Quốc gia. Điển hình là các sách toán và khoa học bằng tiếng Pháp, do các tác giả Pháp soạn và xuất bản ở bên Pháp nhưng đã được không những các thầy mà luôn cả các trò sử dụng làm tài liệu hay để tự học mà cho tới nay nhiều cựu học sinh các trường trung học miền Nam vẫn còn nhắc tới và nhắc tới như là những kỷ niệm đẹp.

Trong phạm vi văn chương, những sách của Dương Quảng Hàm, đặc biệt là hai cuốn Việt Nam Văn Học Sử Yếu và Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển đã được dùng rất lâu dù cho nhiều sách giáo khoa khác đầy đủ hơn đã được soạn thảo.

Cũng vậy, trong phạm vi sử học với cuốn Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim. Về nội dung, đặc biệt là trong văn học, người ta cũng thấy nền giáo dục của miền Nam vẫn giữ được tinh thần tự do, cởi mở.

Các tác giả được đem dạy hay trích dẫn đã được lựa chọn căn cứ vào giá trị của các công trình của họ thay vì gốc gác và sự lựa chọn chế độ của họ, thay vì căn cứ vào chuyện họ ở miền Bắc hay ở miền Nam trong thời gian này. Trường hợp của các tác giả gốc Cộng sản như Thế Lữ, Xuân Diệu, Thanh Tịnh, Nguyễn Tuân, Tô Hoài... là những trường hợp điển hình.

Trong phạm vi thi cử, các kỳ thi được thiết lập từ thời Pháp hay có ở bên Pháp vẫn được duy trì, đặc biệt là hai kỳ thi tú tài. Ở bậc đại học hệ thống tổ chức cũng tương tự. Ảnh hưởng của người Mỹ chỉ được chấp nhận một cách từ từ với nhiều thận trọng, mặc dầu người Mỹ đã bỏ ra nhiều tiền bạc và nhân sự qua các chương trình viện trợ khiến cho nhiều người Mỹ đã tỏ vẻ bất bình. Hình thức thi trắc nghiệm áp dụng cho các kỳ thi tú tài chỉ được thực hiện rất trễ về sau này và dư luận đã đón nhận nó với những nhận định khác nhau, đặc biệt là danh xưng "Tú Tài ABC Khoanh" đã được dùng để chỉ các kỳ thi này. Tiếc rằng chỉ vài năm sau Miền Nam đã không còn nữa.

Trong phạm vi tổ chức thi cử, người ta có thể thấy không riêng gì quan niệm, cách tổ chức, cách coi thi và chấm thi cũng như cách cho điểm, định kết quả và công bố kết quả hầy còn chịu ảnh hưởng nhiều của người Pháp mà còn luôn cả những thời quân chủ trước đó nữa. Quyền uy của các giám khảo, các chánh phó chủ khảo, các giám thị đã luôn luôn được tôn trọng và nhiều vị chủ khảo đã tỏ ra vô cùng can đảm giữ thế độc lập cho mình hay biết khôn ngoan né tránh cho mình và cho các đồng nghiệp của mình khi phải lãnh nhiệm vụ ở những vùng xa thủ đô Saigon, an ninh và giao thông không bảo đảm. Nên nhớ là trong thời gian này hệ thống trung ương tập quyền vẫn còn tồn tại.

Việc ra đề thi, in đề thi và gửi đề thi về địa phương với tất cả sự bảo mật cần thiết là vô cùng khó khăn, tế nhị và phức tạp. Về phía chính quyền thì từ trung ương đến địa phương hầu như không hề có sự trực tiếp can thiệp. Báo chí, các cơ quan truyền thông vẫn luôn luôn hiện diện và sẵn sàng phanh phui mọi chuyện.

## **Những Tướng-Tá Đi Học**

Ngay cả trường hợp các thí sinh là những sĩ quan cao cấp trong quân đội hay trong các lực lượng an ninh. Điển hình nhất là trường hợp của Đại Tướng Cao Văn Viên. Tướng Viên lúc đó là Tổng Tham Mưu Trưởng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông là một người ham học nên mặc dù vô cùng bận rộn với quân vụ, ông vẫn ghi danh theo học trường Đại Học Văn Khoa Saigon, ban Pháp Văn. Trong kỳ thi cuối năm Chứng Chỉ

Văn Chương và Văn Minh Pháp, ông đã đậu kỳ thi viết nhưng bị đánh rớt phần vấn đáp. Đây là một trong những chứng chỉ tương đối khó, nhiều khi kết quả được công bố: không ai đậu, ngay từ phần thi viết.

- Tướng Viên đã đậu phần thi viết. Điều này chứng tỏ khả năng viết và sự hiểu biết của ông, ít ra là về môn học được hỏi trong phần này, vì bài làm của thí sinh luôn luôn bị rọc phách trước khi giao cho giám khảo chấm.
- Trong phần vấn đáp, thầy trò trực tiếp đối diện với nhau và vị giám khảo là người Việt, không phải người Pháp, còn trẻ, ở tuổi quân dịch. Ông đã bị chính vị giám khảo người Việt này đánh hỏng nhưng trong suốt thời gian sau đó mọi việc đều an lành, không có gì đáng tiếc xảy ra cả. Đây là một trong những điểm son rực rỡ cho cả hai phía, Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà và Trường Đại Học Văn Khoa Saigon nói riêng và nền giáo dục của miền Nam nói chung thời trước năm 1975.

Tướng cũng nên nói thêm là cũng trong thời gian này, Thiếu Tướng Bùi Đình Đạm, Giám Đốc Nha Động Viên Bộ Quốc Phòng cũng theo học Ban Sử ở trường này. Sang Mỹ, ông ghi tên học ở đại học Mỹ và đậu thêm bằng Cao Học. Cũng vậy, chuyện chuẩn tướng chào chuẩn úy trước. Lý do là vị chuẩn tướng này đã theo học lớp văn hóa buổi tối để dự thi tú tài do sự khuyến khích của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và người chuẩn úy trước khi nhập ngũ là một giáo sư trung học dạy lớp buổi tối. Hai người gặp nhau một buổi sáng khi cùng đưa con đi học.

Nhưng cũng chưa hết, trong thời gian này Trung Tướng Nguyễn Bảo Trị cũng là được người ta biết tới như một ông "Tướng Văn Hoá".

Cuối cùng và vẫn chưa hết là trường hợp của một vị trung tá cũng thuộc Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, trình một tiểu luận cao học ở ban Sử của trường Đại Học Văn Khoa Saigon. Bình thường, khi đã được phép trình, thí sinh được kể như là đã đậu. Vị trung tá này đã bị đánh rớt. Lý do là ông đã không sửa lại tiểu luận của mình mặc dầu đã được khuyến cáo trước đó và để nguyên những lỗi lầm bị cho là căn bản. Cũng nên biết là trước khi trình vị trung tá này đã đặt tiệc trà ở phòng giáo sư ở ngay lầu dưới để sẽ ăn mừng cùng với bạn bè và gia đình sau khi được chấm đậu. Người ta có thể trách cứ ban giám khảo là quá nghiêm khắc nếu không nói là nghiệt ngã, nhưng vì tiểu luận cao học cũng như luận án tiến sĩ thời này được trình trước công chúng, ai vào nghe cũng được, sau đó ai cũng có thể mở xem được. **Người ta có thể đánh giá nhà trường căn cứ vào phần trình bày và phẩm chất của tiểu luận hay luận án mà thí sinh đệ trình.** Có điều vì thí sinh này là một trung tá của Quân Đội VNCH nên nhiều người tỏ ý lo ngại cho các giám khảo.

Cũng giống như Đại Tướng Cao Văn Viên, ông có thể không làm gì, nhưng đàn em của ông thì sao? Tướng Viên có thể không làm nhưng thuộc hạ của ông làm sao ông kiểm soát được? Nên nhớ Tướng Viên trước đó là Tư Lệnh Lực Lượng Nhảy Dù. Lính của ông sống nay, chết mai, chuyện gì họ cũng có thể làm được.

Nhưng cuối cùng thì mọi chuyện đều đầu vào đó, an lành, không có gì xảy ra cả.

**Đó là những điểm son của cả nền giáo dục của miền Nam lẫn của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà trước khi miền đất được coi là tự do không còn nữa, người viết xin được nhắc lại.**

### **Thứ năm: Một Xã hội tôn trọng sự học và những người có học**

Đây là một trong những đặc tính cơ bản của văn hóa Việt Nam mà xã hội Miền Nam nói chung và nền giáo dục Miền Nam nói riêng thời trước năm 1975 được thừa hưởng. Đặc tính này đã được biểu lộ không riêng qua tinh thần "tôn sư trọng đạo" mà còn được coi như một giá trị và là một giá trị đứng đầu trong mọi giá trị. Sự học là một giá trị và giáo dục là một giá trị. Sự học hay giáo dục làm nên con người chứ không phải là những yếu tố khác, dù đó là quyền uy và tiền bạc.

Được xã hội tôn trọng nhưng ngược lại xã hội cũng trông đợi rất nhiều ở các thầy. Điển hình là chuyện "giáo sư mà cũng đi ăn phở". Câu chuyện này do Giáo Sư Nguyễn Ngọc Cư kể lại. Giáo Sư Nguyễn Ngọc Cư là một trong những vị cựu sinh viên trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội thời Pháp thuộc, một trong những vị giáo sư nổi tiếng là nghiêm túc còn lại của trường này. Ông dạy ở trường Thành Chung Nam Định, sau là Đại Học Sư Phạm Saigon. Một trong những học trò cũ của ông sau này là Ngoại Trưởng của Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa CSVN Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch.

Câu chuyện xảy ra khi Giáo Sư Cư xuống chấm thi ở Mỹ Tho khi mới từ Hà Nội di cư vào Nam hồi sau năm 1954 vào một buổi sáng khi các vị giám khảo rủ nhau đi ăn phở trước khi nhập trường và khi người dân quanh vùng nhìn thấy các thầy trong tiệm phở. Cũng nên nhớ là hồi đó các giáo sư trung học, nhất là các vị dạy ở cấp tú tài là rất hiếm và kỳ thi tú tài là một biến cố lớn ở trong vùng.

Cũng nên để ý là, khác với ở miền Bắc, nơi thầy cô thời trước gọi học trò bằng anh hay chị, trong Nam học trò được thầy gọi bằng trò và thường tự xưng là trò. **Quan niệm chính danh** ở đây được thấy rõ, từ đó sự trông đợi tư cách phải có của người thầy. Cho tới nay, người ta không rõ danh xưng em trong học đường Việt Nam về sau này đã được sử dụng từ bao giờ. Có thể từ thời có Phong Trào Thanh Niên Thế Dục Thế Thao của Hải Quân Đại Tá Ducoroy thời Thống Chế Pétain ở bên Pháp và Đô Đốc Decoux ở Đông Dương, nhưng cũng có thể do ông Hồ Chí Minh thời năm 1945. Nói như vậy vì trong thư gửi các học sinh hồi đầu niên khóa 1945-1946, Hồ Chí Minh đã mở đầu bằng câu “*Các em học sinh, Các em hãy nghe lời tôi...*” và tiếp theo bằng ba tiếng “*lời của một người anh lớn...*” mặc dù lúc đó ông đã 55 tuổi và thư là gửi cho những thiếu niên, những học sinh trung và tiểu học chỉ đáng tuổi cháu nội, cháu ngoại của ông.

Lối xưng hô này đã không được một số thầy cô trong Nam chấp nhận. Nhiều người vẫn ưa thích lối xưng hô cổ truyền hơn và ngay ở bậc đại học, nhiều sinh viên, đặc biệt là các nữ sinh viên, đã xưng *con với các thầy của mình mặc dù thầy trò hơn nhau chỉ có vài tuổi*. Một vị Hiệu trưởng một trường nữ trung học lớn, nổi tiếng của Saigon đã chỉnh học sinh của mình khi người này xưng em với bà: “*Thưa Cô, Con chứ! sao lại Thưa Cô, Em!*” **Tưởng ta cũng nên nhớ là, thầy và con, cô và con, từ cả hai vị thế, từ trách nhiệm đến bổn phận và cung cách đối xử khác nhau nhiều lắm.**

Ngoài xã hội cũng vậy, các phụ huynh học sinh luôn luôn gọi các thầy cô của con mình bằng thầy và cô luôn, với tất cả mọi sự tin cậy khi đặt trách nhiệm dạy dỗ con mình vào tay họ, đặc biệt là các thầy cô tiểu học. Điều này giải thích tại sao sau năm 1975, các giáo viên từ miền Bắc vô Nam ưa dạy các học sinh gốc miền Nam hơn các học sinh mới từ miền Bắc theo chế độ mới vào.

Trở lại với thành ngữ “**Tôn sư trọng đạo**”. Thành ngữ này thường được dùng như một phương châm dành cho các học sinh và phần nào luôn cả các phụ huynh tương tự như các câu

*“Muốn sang thì bắc cầu kiều,  
muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy”,*

hay

*“Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”*

hoặc thành ngữ

*“quân sư phụ.”*

Đối với một số không nhỏ các nhà giáo thành ngữ này cần được hiểu là bao gồm hai phần: phần thứ nhất là “tôn sư” và phần thứ hai là “trọng đạo”. **Tôn sư là dành cho học trò và trọng đạo là dành cho người thầy theo đúng quan niệm chính danh của Khổng Giáo.** Thầy phải ra thầy trước khi đòi hỏi trò phải kính trọng thầy. Đây là một vấn đề khác có tính cách chuyên môn và khá phức tạp. Tôi sẽ xin trở lại trong một bài khác.

## Tam thời kết luận

Bài này được viết vào lúc những tin tức về những tệ hại trong nền giáo dục hiện tại ở Việt Nam thời Xã hội Chủ nghĩa Cộng sản chiếm một phần không nhỏ trong sinh hoạt truyền thông quốc tế cũng như quốc nội. Ngoài những tin tức, những bài nhận định có những hình ảnh của các kỳ thi đi kèm. Tất cả đã xảy ra hàng ngày và đã chiếm những phần quan trọng trong thời lượng phát thanh hay phát hình hay trên các trang báo, đặc biệt là vào những thời kỳ bãi trường hay khởi đầu của một niên học. Mọi chuyện đã liên tiếp xảy ra từ nhiều năm trước và người xem, người nghe có thể đoán trước và chờ đợi mỗi khi mùa hè và sau đó là mùa thu đến.

**Nhiều người còn dùng hai chữ “phá sản” để hình dung tương lai của nền giáo dục này và nhiều người tỏ ý nuối tiếc quá khứ mà họ cho là rất đẹp của nền giáo dục ở miền Nam thời trước năm 1975.**

Trong khi đó ở Hải Ngoại, giới trẻ Việt Nam, ở đây tôi chỉ nói tới những người xuất thân từ các học đường ở miền Nam, đã thành công rực rỡ và được các thầy cô và các cơ quan truyền thông khen ngợi, nếu không nói là ca tụng. Nhiều người không những vẫn tiếp tục làm nghề cũ, kể cả những ngành mà tiêu chuẩn quốc tế rất chính xác, rõ ràng mà họ học được ở các trường đại học hay cao đẳng ở Việt Nam. Rất nhiều người đã trở thành những chuyên viên cao cấp, những cố vấn, hay những giáo sư đại học bản xứ với những công trình nghiên cứu có giá trị cao và ở mức độ quốc tế. Ở đây, như đã nói trong phần mở đầu, người viết chỉ vấn tắt

ghi nhận một số những dữ kiện căn bản. Nhiều công trình nghiên cứu qui mô hơn và kỹ càng hơn còn cần phải được thực hiện bởi nhiều người, trước khi người ta có thể khẳng định những nhận xét này.

Tuy nhiên có một điều người ta phải để ý và thận trọng khi nói tới cách mạng và đặc biệt khi làm “*cách mạng vì cách mạng*” và hệ quả của nó có thể làm thay đổi toàn bộ cuộc sống của dân tộc, **theo chiều hướng đi xuống**, nhất là khi cách mạng không bắt nguồn từ truyền thống và tư duy của chính dân tộc mình. Người ta có thể xóa bỏ một chế độ chính trị bằng cách mạng, từ đó đoạn tuyệt với quá khứ nhưng người ta không thể theo đà đó mà làm cách mạng trong những phạm vi sinh hoạt khác, xóa bỏ và làm lại tất cả, trong đó có giáo dục. Cách Mạng Mỹ không làm như vậy, Cách Mạng Pháp cũng không làm như vậy...**vẫn duy trì những truyền thống cũ.** Nhận định này có thể bị coi là bảo thủ, nhưng đó là một sự thật và một sự thật bắt đầu bằng kinh nghiệm. Có điều vì bằng kinh nghiệm nên khi biết được sự thật thì đã quá muộn. Nhiều khi người ta phải từ bỏ cách mạng để trở về với truyền thống của cha ông vì cha ông của chúng ta cũng là người, cũng thông minh, cũng khôn ngoan, sáng suốt, cũng nhạy cảm như chính chúng ta, ngoại trừ các Cụ sống ở thời của các Cụ, mỗi Cụ chỉ sống một thời gian ngắn, còn truyền thống thì có từ lâu đời.

Phải có lý do truyền thống mới được tôn theo, được duy trì và từ đó tồn tại. Lịch sử do đó đã luôn luôn liên tục vì không liên tục là đổ vỡ, là mất quân bình và xáo trộn, là thụt lùi hay ít ra là bất khả tiến bộ.

Khởi viết, tháng 9, 2006,

Sửa lại trong Mùa Lễ Tạ Ơn của Hoa Kỳ 2016

Cập nhật hóa và bổ khuyết, Tháng Tư, 2019

Phạm Cao Dương